

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 84/2025/ HNGĐ-ST

Ngày: 29- 5-2025.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- T1 ký phiên tòa: Ông Huỳnh T Hải – Thẩm tra viên toà án nhân dân huyện G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Đặng Ngô Anh T1- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 06/03/2025, Biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2025, và quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau thời gian khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn vào ngày 29/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn khoảng 05 năm trở lại đây. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh T T1ờng xuyên rượu chè, chửi mắng và có đánh đập chị; ngoài ra, anh T còn ghen tuông vô cớ. Chị đã từng nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân huyện G, sau đó đã rút đơn khởi kiện ly hôn để đoàn tụ vợ chồng, cho anh T thêm cơ hội sửa đổi bản thân. Tuy nhiên, anh T vẫn không thay đổi, thời gian tháng 11/2024, anh T chửi mắng và đánh đập, giục đồ của chị và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị bỏ về bên gia đình cha mẹ ruột để sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Lê Minh T1, sinh năm 2002; Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2006 và Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2016. Hiện cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh năm 2002; Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2006 đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Đối với cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2016, chị giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/5/2025, bị đơn- anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T thống nhất về thời gian kết hôn, chung sống vợ chồng, về con chung và thời gian ly thân như chị H trình bày. Anh xác định anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng T1ờng xuyên cự cãi, khi nhậu vào anh có nóng tính đánh chị H.

Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, nguyện vọng đoàn tụ. Trường hợp tòa án giải quyết ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp con chung Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2016; không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung và nợ chung. Anh T cam kết không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về con chung: Đề nghị giao con chung Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2016 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu nhau thời gian khoảng 02 năm thì tiến tới hôn nhân, chung sống với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét về mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án, chị H trình bày:

Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn khoảng 05 năm trở lại đây. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh T T1ờng xuyên rượu chè, chửi mắng, đánh đập chị; ngoài ra, anh T còn ghen tuông vô cớ. Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên vợ chồng T1ờng xuyên cự cãi. Nay chị H có yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn, nguyện vọng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh T không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H đã từng nộp đơn ly hôn tại Toà án nhân huyện G, sau đó đã rút đơn khởi kiện ly hôn để đoàn tụ vợ chồng nhưng anh T không sửa đổi, T1ờng xuyên nhậu nhẹt, đánh đập chị. Anh chị hiện sống ly thân, không ai quan tâm đến ai.

Do đó, xác định hôn nhân của anh chị mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Có 03 người con chung tên Nguyễn Lê Minh T1, sinh năm 2002; Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2006 và Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2016. Hiện cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh năm 2002; Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2006 đã thành niên, tự lao động sinh sống được. Đối với cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2016, chị H thống nhất giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh T có yêu cầu trực tiếp nuôi con chung cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2016 và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Cháu T2 có nguyện vọng được ở với anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Văn T.

Chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; chị H và anh T không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Minh T2, sinh năm 2016 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010659 ngày 14/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân huyện G, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5] Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

[6] Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Các đương sự;
- Nơi cấp chứng nhận kết hôn;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Ngọc Vinh